

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55 /2016/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 14 tháng 10 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 130/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh Quy định mức thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng (thu đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu) công trình dịch vụ tiện ích công cộng khác trong Khu kinh tế Cửa khẩu Ma Lù Thàng tỉnh Lai Châu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức hình quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ khoản 6, Điều 10, Thông tư số 109/2014/TT-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu;

Xét Tờ trình số 1937/TTr-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng (thu đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu), công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu biên giới và các lối mở thuộc tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 371/BC-HĐND ngày 10/10/2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 130/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh Quy định mức thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng (thu đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu) công trình dịch vụ tiện ích công cộng khác trong Khu kinh tế Cửa khẩu Ma Lù Thàng tỉnh Lai Châu, như sau:

| Số TT | Phương tiện chịu phí | Mức thu phí (đồng/xe/lần ra vào) |
|------------|--|----------------------------------|
| III | Phương tiện vận tải chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng (Xuất, nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu) | |
| 1 | Xe ô tô có tải trọng dưới 04 tấn | 400.000 |
| 2 | Xe ô tô có tải trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn | 1.000.000 |
| 3 | Xe ô tô có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit | 2.500.000 |
| 4 | Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit | 4.000.000 |
| IV | Phương tiện vận tải chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng (Xuất, nhập khẩu hàng hóa qua các lối mở) | |
| 1 | Xe ô tô có tải trọng dưới 04 tấn | 500.000 |
| 2 | Xe ô tô có tải trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn | 1.300.000 |
| 3 | Xe ô tô có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit | 5.000.000 |
| 4 | Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit | 6.000.000 |

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khoá XIV Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2016.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Công thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND; UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn

